

Số: 360 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực công thương
trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 96/TTr-SCT ngày 18 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực công thương trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC
CÔNG THƯƠNG TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Ban hành Kế hoạch phát triển chợ	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
2	Ban hành Nội quy chợ mẫu	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
3	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
4	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
5	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia).	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
6	Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
7	Quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
8	Quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.	Phát triển và quản lý chợ	UBND tỉnh
9	Quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	UBND tỉnh
10	Lấy ý kiến Bộ Công Thương trước khi cấp,	Quản lý ngoại	Bộ Công

	điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	thương	thương
11	Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Sở Công thương; Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan.
12	Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công thương
B	Thủ tục hành chính cấp huyện		
1	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý	Phát triển và quản lý chợ	UBND cấp huyện
2	Quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.	Phát triển và quản lý chợ	UBND cấp huyện
3	Quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.	Phát triển và quản lý chợ	UBND cấp huyện

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Ban hành Kế hoạch phát triển chợ

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo, đề xuất kế hoạch phát triển hạ tầng chợ trên địa bàn quản lý, gửi về Sở Công thương.

- Bước 2: Sở Công thương căn cứ quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, các quy hoạch khác có liên quan và nhu cầu phát triển tham mưu, xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển chợ trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

- Bước 3: Sở Công thương gửi văn bản lấy ý kiến UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan về dự thảo Kế hoạch phát triển chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bước 4: Sở Công thương tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 5: UBND tỉnh xem xét, ban hành Kế hoạch phát triển chợ trên địa bàn tỉnh An Giang.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch phát triển chợ.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện: Nội dung Kế hoạch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP; Quy hoạch tỉnh; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhu cầu của các địa phương và các văn bản có liên quan.

1.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Ban hành Nội quy chợ mẫu

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Công thương căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP và các văn bản có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Nội quy chợ mẫu trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bước 2: Sở Công thương gửi văn bản lấy ý kiến UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan về dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Nội quy chợ mẫu trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bước 3: Sở Công thương tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Bước 4: UBND tỉnh xem xét, ban hành Nội quy chợ mẫu trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh ban hành Nội quy chợ mẫu trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện: Nội quy chợ mẫu đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

2.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

3. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản và có văn bản gửi Sở Công Thương thẩm định (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ)

- Bước 2: Sở Công Thương gửi văn bản lấy ý kiến UBND huyện, thị xã, thành phố nơi có chợ lập Đề án cho thuê và các Sở, ban ngành có liên quan. Sở Công Thương tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương; đối tượng được giao quản lý tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

3.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có (không gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự

nghiệp công lập, UBND cấp xã quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ phải đảm bảo nội dung chủ yếu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

3.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-PA

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ
(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

- a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê

- a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);
- b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản).

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản;

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

4. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

4.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và có văn bản gửi Sở Công thương (*trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ*). Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Công thương.

- Bước 2: Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án. Sở Công thương tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; đối tượng được giao quản lý tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

4.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có (gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ chỉ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ phải đảm bảo nội dung chủ yếu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 25 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

- Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ nhưng tối đa không quá 50 năm.

4.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-PA

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ
(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

- a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;

- a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);
- b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản);
- c) Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản.

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....)

của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.
- Dự kiến sơ bộ về nhu cầu sử dụng trên địa bàn trong thời gian tới.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia).

5.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và có văn bản gửi Sở Công thương (*trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản sản kết cấu hạ tầng chợ*). Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo UBND cấp huyện có văn bản gửi Sở Công Thương.

- Bước 2: Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh xem xét. UBND tỉnh lấy ý kiến của của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan, trên cơ sở đó báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về chủ trương trước khi phê duyệt Đề án theo thẩm quyền.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; đối tượng được giao quản lý tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

5.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có (gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ chỉ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ phải đảm bảo nội dung chủ yếu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 25 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

- Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ nhưng tối đa không quá 50 năm.

5.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-PA

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ
(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;

b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;

a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);

b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản);

c) Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản.

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);

- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

- Dự kiến sơ bộ về nhu cầu sử dụng trên địa bàn trong thời gian tới.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước; dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

6. Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

6.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi Sở Công Thương.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý mà thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP thì Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản đề nghị kèm theo bản sao hồ sơ quy định gửi Sở Công Thương.

- Bước 2: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi Sở Công Thương. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính.

+ Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ báo cáo gồm:

+ Tờ trình của Sở Công Thương hoặc của liên ngành về việc điều chuyển tài sản: 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

+ Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày.

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; cơ quan, đơn vị có tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

6.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được điều chuyển trong các trường hợp sau:

- Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý;
- Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

7. Quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.

7.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi Sở Công thương.

- Bước 2: Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi Sở Công Thương. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ báo cáo gồm:

+ Tờ trình của Sở Công thương hoặc của liên ngành về việc thanh lý tài sản: 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

+ Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày.

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; cơ quan, đơn vị có tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

7.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thanh lý trong các trường hợp sau:

- Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả (không thể phục hồi theo công năng của tài sản);

- Phá dỡ tài sản cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản không sử dụng được theo công năng của tài sản. Trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP thì không áp dụng hình thức thanh lý theo quy định này.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

8. Quyết định việc xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý.

8.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi Sở Công thương.

- Bước 2: Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định xử lý tài sản.

- Bước 3: UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi Sở Công thương. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ báo cáo gồm:

+ Tờ trình của Sở Công thương hoặc của liên ngành về việc xử lý tài sản: 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

+ Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày.

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản; báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; cơ quan, đơn vị có tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

8.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác mà công trình đó không còn hoặc bị hư hỏng mà không có khả năng phục hồi theo công năng sử dụng của tài sản.

8.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

9. Quyết định việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập 02 bộ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp kèm tệp tin điện tử của hồ sơ, gửi Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

- Bước 2: Kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

Trường hợp hồ sơ, nội dung Báo cáo thành lập/mở rộng cụm công nghiệp không đáp ứng yêu cầu, Sở Công Thương có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định. Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là một nội dung thẩm định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; được thực hiện trong quá trình thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

* *Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp*: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo các Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các thành viên khác là đại diện một số sở, cơ quan liên quan; Thư ký Hội đồng là đại diện phòng chuyên môn của Sở Công Thương và không phải là thành viên Hội đồng) để chấm điểm.

- Bước 4: Sở Công Thương trình UBND tỉnh đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

- Bước 5: UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo Mẫu số 01 *(trong đó có cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận)* kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp.

+ Bản sao hợp lệ tài liệu về tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

+ Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có);

+ Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: 33 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Sở Công thương; cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh An Giang.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

9.8. Phí, lệ phí: Không.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo mẫu số 01 (đính kèm).

+ Báo cáo Đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp theo mẫu số 02 (đính kèm).

9.10. Yêu cầu, điều kiện: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức có tư cách pháp lý; có năng lực tài chính; có kinh nghiệm làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các công trình, dự án.

9.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

- Thông tư số 14/2024/TT_BCt ngày 15/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...

... (Tên đơn vị) ... đề nghị làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ... với các thông tin chính như sau:

I. Thông tin đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư

1. Tên đơn vị:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:; Fax:; Email:
4. Giấy tờ pháp lý của đơn vị (*Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác theo quy định của pháp luật Việt Nam*) số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Người đại diện theo pháp luật: Chức danh:
6. Nội dung khác liên quan (nếu có).

II. Thông tin dự án đề nghị đầu tư

1. Tên dự án:
2. Địa chỉ dự án:
3. Tổng mức đầu tư tạm tính của dự án:
4. Tiến độ đầu tư:
5. Nội dung khác liên quan (nếu có).

III. Cam kết của đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư

Đơn vị cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. Hồ sơ kèm theo

- Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (nội dung chủ yếu quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp); bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp;
- Các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;
- Văn bản, tài liệu liên quan khác (nếu có)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công Thương ...;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có cụm công nghiệp);
- Lưu:

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Chữ ký, họ và tên, chức danh, dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp ...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ...

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh/thành phố ... thời kỳ ...;

Căn cứ...

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau (*tên cụm công nghiệp; diện tích; địa điểm; ngành nghề hoạt động chủ yếu; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;...*).

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Điều 4. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và các nội dung khác liên quan./.

Nơi nhận:

-;
- Bộ Công Thương (để báo cáo);
- ...
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Chữ ký, dấu*)

Họ và tên

10. Lấy ý kiến Bộ Công thương trước khi cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương xây dựng dự thảo văn bản lấy ý kiến Bộ Công thương trước khi cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Sau đó trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương xem xét nội dung dự thảo văn bản.

- Bước 2: Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương kiểm tra nội dung dự thảo văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Sở Công thương xem xét nội dung và phê duyệt văn bản.

- Bước 3: Lãnh đạo Sở Công thương xem xét nội dung và phê duyệt văn bản lấy ý kiến Bộ Công thương (nếu thống nhất). Đồng thời, chuyển Văn thư phát hành văn bản. Trường hợp Lãnh đạo Sở Công thương chưa thống nhất nội dung dự thảo văn bản thì chuyển trả lại Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại để chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

- Bước 4: Văn thư Sở Công thương tiếp nhận và phát hành văn bản lấy ý kiến Bộ Công thương kèm theo các hồ sơ có liên quan bằng Email hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc trên hệ thống VNPT Office 4.0.

- Bước 5: Bộ Công thương tiếp nhận, phúc đáp văn bản của Sở công Thương và nêu rõ ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý cấp phép thành lập Văn phòng đại diện. Trả lại Sở Công thương điều chỉnh khi nội dung chưa thống nhất (nếu có).

10.2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính hoặc Email hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản lấy ý kiến Bộ Công thương (01 bản)

- Bản scan hoặc bản photo Hồ sơ xin cấp phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo quy định (01 bộ)

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

Sở Công thương phải có văn bản lấy ý kiến của Bộ Công thương trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bộ Công thương phải có văn bản trả lời Sở Công thương trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; Bộ Công thương.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Công thương.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ban hành văn bản lấy ý kiến Bộ Công thương trước khi cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trường hợp nội dung Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

10.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

10.10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

10.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

11. Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương xây dựng dự thảo văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Sau đó trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương xem xét nội dung dự thảo văn bản.

- Bước 2: Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương kiểm tra nội dung dự thảo văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Sở Công thương xem xét nội dung và phê duyệt văn bản.

- Bước 3: Lãnh đạo Sở Công thương xem xét nội dung và phê duyệt văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương (nếu thống nhất). Đồng thời, chuyển Văn thư phát hành văn bản. Trường hợp Lãnh đạo Sở Công thương chưa thống nhất nội dung dự thảo văn bản thì chuyển trả lại Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại để chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

- Bước 4: Văn thư Sở Công thương tiếp nhận và phát hành văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương kèm theo các hồ sơ có liên quan bằng Email hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc trên hệ thống VNPT Office 4.0.

- Bước 5: Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan tiếp nhận văn bản và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương trong việc kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và có trách nhiệm trả lời đề nghị tham vấn của Sở Công thương bằng văn bản.

11.2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính hoặc Email hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính văn bản tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (01 bản)- Bản scan hoặc bản photo Hồ sơ xin cấp phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài theo quy định (01 bộ).

- Bản scan hoặc bản photo Hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung của doanh nghiệp theo quy định (01 bộ).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tham vấn.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ban hành văn bản Tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

11.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

11.10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

11.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(3)...-...(4)...

(5), ngày... tháng ... năm ...

V/v tham vấn về hợp đồng theo mẫu, điều kiện
giao dịch chung

Kính gửi: ...(6)

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số.....ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, ...(2) tham vấn ý kiến của ...(6) liên quan đến hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về các nội dung sau:

... (7)

Đề nghị ...(6) gửi ý kiến trả lời nội dung tham vấn trước ngày ... về ..(2) theo địa chỉ: ...

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-...

- Lưu: VT, ...(8)..(9).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn.
- (3) Chữ viết tắt tên loại văn bản.
- (4) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.
- (5) Địa danh.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến góp ý hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.
- (7) Cơ quan, tổ chức ban hành công văn ghi rõ nội dung cần lấy ý kiến góp ý.
- (8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- (9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

12. Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương xây dựng dự thảo báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh kèm theo danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng. Sau đó trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương xem xét nội dung dự thảo báo cáo.

- Bước 2: Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại Sở Công thương kiểm tra nội dung dự thảo báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh và danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng, ký nháy văn bản và trình Lãnh đạo Sở Công thương xem xét nội dung và phê duyệt báo cáo và danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng.

- Bước 3: Lãnh đạo Sở Công thương xem xét nội dung và phê duyệt báo cáo (nếu thống nhất). Đồng thời, chuyển Văn thư phát hành văn bản. Trường hợp Lãnh đạo Sở Công thương chưa thống nhất nội dung dự thảo báo cáo thì chuyển trả lại Lãnh đạo Phòng Quản lý Thương mại để chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

- Bước 4: Văn thư Sở Công thương tiếp nhận và phát hành báo cáo tình hình kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trên địa bàn tỉnh và danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng bằng Email hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc trên hệ thống VNPT Office 4.0.

- Bước 5: Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công thương tiếp nhận báo cáo và danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng.

12.2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính hoặc Email hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Bản chính Báo cáo và danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng (01 bản).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công thương; Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công thương

12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc Bộ Công thương.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong giao dịch với người tiêu dùng.

12.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

12.10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

12.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG THEO MẪU,
ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG THEO MẪU, ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG

1. Về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc phạm vi phải đăng ký theo Quyết định số... ngày...tháng...năm... của Thủ tướng Chính phủ

1.1. Về chấp hành trách nhiệm đăng ký của tổ chức, cá nhân kinh doanh

- Tổng hợp số liệu về số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương có sử dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (HĐTM, ĐKGDC) thuộc phạm vi phải đăng ký.

- Thực trạng chấp hành trách nhiệm đăng ký của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

1.2. Về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký HĐTM, ĐKGDC

- Tổng hợp số liệu tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đăng ký.

- Thời gian phê duyệt hồ sơ đăng ký, số hồ sơ phê duyệt đúng thời hạn; trước thời hạn; quá thời hạn.

- Phạm vi, nội dung kiểm soát.

- Hình thức trả lời kết quả đăng ký (mỗi lĩnh vực kèm theo 02 mẫu thông báo (thông báo về việc hoàn thành trách nhiệm đăng ký; thông báo về việc kết quả thẩm định hồ sơ đăng ký) đính kèm hồ sơ HĐTM, ĐKGDC).

- Công bố công khai và lưu trữ trên cổng thông tin điện tử địa phương.

1.3. Về xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng liên quan đến HĐTM, ĐKGDC (nếu có)

- Số lượng kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

- Lĩnh vực và nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại phổ biến.

- Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

1.4. Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến HĐTM, ĐKGDC

- Số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra; lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.

- Các vi phạm chủ yếu.

- Kết quả xử lý vi phạm.

2. Về kiểm soát HĐTM, ĐKGDC không thuộc phạm vi phải đăng ký theo quy định tại Điều ... Nghị định số... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.1. Về chấp hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (BVQLNTD) về HĐTM, ĐKGDC của tổ chức, cá nhân kinh doanh

- Tổng hợp số liệu về số lượng tổ chức, cá nhân kinh doanh tại địa phương có sử dụng HĐTM, ĐKGDC.

- Thực trạng chấp hành pháp luật BVQLNTD về HĐTM, ĐKGDC của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

2.2. Về xử lý kiến nghị, phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến HĐTM, ĐKGDC (nếu có)

- Số lượng kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

- Lĩnh vực và nội dung kiến nghị, phản ánh, khiếu nại phổ biến.

- Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại.

2.3. Về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến HĐTM, ĐKGDC

- Số lượng các đoàn thanh tra, kiểm tra; lĩnh vực thanh tra, kiểm tra.

- Các vi phạm chủ yếu.

- Kết quả xử lý vi phạm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT HĐTM, ĐKGDC

1. Thuận lợi.

2. Khó khăn và nguyên nhân.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đối với trung ương.

- Đối với địa phương (bao gồm cả các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).

- Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Đối với người tiêu dùng.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản và có văn bản gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố thẩm định (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ)

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt Đề án.

- Bước 3: UBND cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt Đề án.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố; đối tượng được giao quản lý tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có (không gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND cấp xã quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ phải đảm bảo nội dung chủ yếu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

1.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-PA

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ
(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. Sự cần thiết thực hiện phương án

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày.... tháng.... năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thông tin về cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản

- a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan/đơn vị lập phương án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- b) Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng:....

2.2. Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê

- a) Quyết định giao tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền (đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lập phương án khai thác tài sản);
- b) Văn bản đề nghị giao lại tài sản của cơ quan, đơn vị (đối với trường hợp cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công về chợ lập phương án khai thác tài sản).

2.3. Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện đối với từng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. Nội dung chủ yếu của phương án

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, tình trạng tài sản.

2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản;

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

7. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:...

III. Đề xuất, kiến nghị để thực hiện phương án

.....
....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Quyết định việc thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

- Bước 3: UBND cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản; báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định. Hồ sơ báo cáo gồm:

+ Tờ trình của Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố hoặc của liên ngành về việc thanh lý tài sản: 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

+ Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày.

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản; báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện xem xét, ban hành quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố; cơ quan, đơn vị có tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND cấp huyện thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được thanh lý trong các trường hợp sau:

- Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả (không thể phục hồi theo công năng của tài sản);

- Phá dỡ tài sản cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản không sử dụng được theo công năng của tài sản. Trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP thì không áp dụng hình thức thanh lý theo quy định này.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

3. Quyết định việc xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý.

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định xử lý tài sản.

- Bước 3: UBND cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố. Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

- Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản; báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định. Hồ sơ báo cáo gồm:

+ Tờ trình của Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố hoặc của liên ngành về việc xử lý tài sản: 01 bản chính.

+ Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.

+ Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.

+ Hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 75 ngày.

- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ đề nghị xử lý tài sản; báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện xem xét, ban hành quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố; cơ quan, đơn vị có tài sản; cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND cấp huyện xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác mà công trình đó không còn hoặc bị hư hỏng mà không có khả năng phục hồi theo công năng sử dụng của tài sản.

3.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.